

Điện Biên Phủ, ngày 06 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v Niêm yết công khai nâng lương thường xuyên, nâng PCTN vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo đợt II năm 2025

Căn cứ Thông tư 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 về việc thực hiện chế độ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn;

Căn cứ Thông tư 04/2005/TT-BNV ngày 5/1/2005 của BNV về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ công chức,

Căn cứ nghị định 54/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo và Thông tư liên tịch 68/2011/TTLT-BGDĐ-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 30/12/2011 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/07/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo; Thông tư liên tịch số 29/2015/TTLT-BGDĐ-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 20/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch 68/2011/TTLT-BGDĐ-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 30/12/2011 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/07/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

Căn cứ Công văn số 1693/UBND-VHXX ngày 05 tháng 12 năm 2025 của UBND Phường Điện Biên Phủ V/v nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, nâng mức PCTNVK cho CBCCVC thuộc UBND phường (đợt 2) năm 2025;

Căn cứ Công văn số 1696/UBND-VHXX V/v rà soát, xét duyệt phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ (đợt 2) năm 2025;

Trường THCS Mường Thanh thông báo và niêm yết công khai nâng lương thường xuyên, nâng PCTN vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo đợt II năm 2025.

Thời gian niêm yết: Từ ngày 06 tháng 12 năm 2025 đến hết ngày 05 tháng 01 năm 2026.

Địa chỉ niêm yết: Bảng tin của Trường THCS Mường Thanh, đăng nội dung trên cổng thông tin của nhà trường.

Trong thời gian tổ chức niêm yết nếu các đơn vị, cá nhân có ý kiến phản hồi, đề nghị liên hệ bộ phận kế toán của Trường THCS Mường Thanh để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- Các ban ngành, đoàn thể;



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Bình Minh

Điện Biên Phủ, ngày 06 tháng 12 năm 2025

BIÊN BẢN

V/v Niêm yết công khai nâng lương thường xuyên, nâng PCTN vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo đợt II năm 2025

Căn cứ Thông tư 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 về việc thực hiện chế độ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn;

Căn cứ Thông tư 04/2005/TT-BNV ngày 5/1/2005 của BNV về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ công chức,

Căn cứ nghị định 54/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo và Thông tư liên tịch 68/2011/TTLT-BGDĐ-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 30/12/2011 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/07/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo; Thông tư liên tịch số 29/2015/TTLT-BGDĐ-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 20/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch 68/2011/TTLT-BGDĐ-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 30/12/2011 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/07/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

Căn cứ Công văn số 1693/UBND-VHXXH ngày 05 tháng 12 năm 2025 của UBND Phường Điện Biên Phủ V/v nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, nâng mức PCTNVK cho CBCCVC thuộc UBND phường (đợt 2) năm 2025;

Căn cứ Công văn số 1696/UBND-VHXXH V/v rà soát, xét duyệt phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ (đợt 2) năm 2025;

Căn cứ vào chi tiêu nội bộ của nhà trường;

Căn cứ vào Quyết định số 182/QĐ-THCS MT, ngày 05/12/2025 của Trường THCS Mường Thanh về việc công nâng lương thường xuyên, nâng PCTN vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo đợt II năm 2025.

Hôm nay ngày 06 tháng 12 năm 2025 tại Trường THCS Mường Thanh.

Chúng tôi gồm có:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông: Nguyễn Bình Minh	Hiệu trưởng
2	Bà: Phạm Thị Thái	Phó hiệu trưởng
3	Bà: Trần Thị Minh	Giáo viên
4	Ông: Ngô Danh Trường	Kế toán - Tổ trưởng tổ hành chính

TT	Họ và tên	Chức vụ
5	Bà: Vũ Thị Lý	Tổ trưởng tổ Toán Lý
6	Bà: Hoàng Mai Hoa	Tổ trưởng tổ HĐGD
7	Bà: Nguyễn Thị Vân	Tổ trưởng tổ Văn Sử
8	Bà: Đoàn Mỹ Ngọc	Phụ trách Đoàn đội
9	Ông: Nguyễn Sỹ Tân	Bí thư đoàn thanh niên

*) Nội dung: Đã tiến hành lập biên bản về việc niêm yết công khai về các nội dung sau:

- Công khai danh sách đề nghị nâng lương thường xuyên, nâng PCTN vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo đợt II năm 2025.

- Thời gian niêm yết: 30 ngày, từ ngày 06 tháng 12 năm 2025 đến hết ngày 05 tháng 01 năm 2026.

Các thành viên trong ban niêm yết tiếp nhận ý kiến đóng góp về nhà trường.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu hồ sơ công khai.

THƯ KÝ



Trần Thị Minh

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Bình Minh

Số: 185/QĐ – THCS MT

Điện Biên Phủ, ngày 06 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai nâng lương thường xuyên, nâng PCTN vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo đợt II năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS MƯỜNG THANH

Căn cứ Thông tư 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 về việc thực hiện chế độ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn;

Căn cứ Thông tư 04/2005/TT-BNV ngày 5/1/2005 của BNV về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ công chức,

Căn cứ nghị định 54/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo và Thông tư liên tịch 68/2011/TTLT-BGDD-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 30/12/2011 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/07/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo; Thông tư liên tịch số 29/2015/TTLT-BGDD-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 20/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch 68/2011/TTLT-BGDD-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 30/12/2011 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/07/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

Căn cứ Công văn số 1693/UBND-VHXX ngày 05 tháng 12 năm 2025 của UBND Phường Điện Biên Phủ V/v nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, nâng mức PCTNVK cho CBCCCVC thuộc UBND phường (đợt 2) năm 2025;

Căn cứ Công văn số 1696/UBND-VHXX V/v rà soát, xét duyệt phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ (đợt 2) năm 2025;

Căn cứ vào biên bản họp xét nâng lương thường xuyên, nâng PCTN vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo đợt II năm 2025 họp ngày 05/12/2025 của Trường THCS Mường Thanh.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán Trường THCS Mường Thanh;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai danh sách đề nghị nâng lương thường xuyên, nâng PCTN vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề đối với nhà giáo đợt II năm 2025.

(Theo danh sách đính kèm)

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 06/12/2025 trước toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được biết và được niêm yết công khai trên bảng tin nội bộ của nhà trường đến hết ngày 05/01/2026.

Điều 3: Các bộ phận: Kế toán, ban ngành đoàn thể, tổ chuyên môn và bộ phận hành chính trong nhà trường có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KT;



Nguyễn Bình Minh

UBND PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG THCS MƯỜNG THANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 185/CK-THCS MT

V/v công khai nâng lương thường xuyên, nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nhà giáo, nâng lương trước thời hạn đợt II, năm 2025

Điện Biên Phủ, ngày 06 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Các tổ chuyên môn, văn phòng.

Căn cứ Công văn số 1693/UBND-VHXXH ngày 05 tháng 12 năm 2025 của UBND Phường Điện Biên Phủ V/v nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, nâng mức PCTNVK cho CBCCVC thuộc UBND phường (đợt 2) năm 2025;

Căn cứ Công văn số 1696/UBND-VHXXH V/v rà soát, xét duyệt phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ (đợt 2) năm 2025;

Căn cứ biên bản xét nâng lương và nâng phụ cấp thâm niên, vượt khung cho công chức, viên chức đợt II năm 2025, ngày 05/12/2025;

Để đảm bảo tính khách quan, công khai, công bằng và chính xác, Trường THCS Mường Thanh đề nghị các Các tổ chuyên môn, văn phòng thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

1. Thông báo, niêm yết công khai danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ điều kiện nâng lương thường xuyên, nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nhà giáo, nâng lương trước thời hạn đợt II, năm 2025 (Có danh sách đính kèm). Hình thức công khai: Niêm yết công khai danh sách tại bảng tin và qua Website, các nhóm zalo của đơn vị.

2. Ý kiến của các tập thể, cá nhân vào danh sách nâng lương thường xuyên, nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nhà giáo, nâng lương trước thời hạn đợt II, năm 2025 đề nghị gửi về Hiệu trưởng trước ngày 09/12/2025 để tổng hợp gửi Phòng văn hóa và UBND phường Điện Biên Phủ tạo theo quy định.

Nhận được Công văn này, yêu cầu Tổ trưởng các tổ chuyên môn, văn phòng khẩn trương triển khai thực hiện nhằm đảm bảo chế độ, chính sách, quyền lợi của cán bộ, giáo viên, nhân viên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Nguyễn Bình Minh

UBND PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG THCS MƯỜNG THANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên Phủ, Ngày 05 tháng 12 năm 2025

DANH SÁCH

Thực trạng hưởng bậc, hệ số lương của cán bộ, công chức, viên chức

(Kèm theo Tờ trình số 183/TTrTHCS MT, ngày 05 tháng 12 năm 2025 của trường THCS Mường Thanh)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh, chức vụ	Trình độ CMNV được đào tạo	Ngạch, hạng chức danh hiện giữ hiện giữ	Mã ngạch, Mã hạng chức danh hiện giữ	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc	Hệ số	Phụ cấp TNVK (%)	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm giữ bậc hoặc % PCTNVK	
1	2	3	4	5	6			7	8	9	10	11	12
1	Nguyễn Bình Minh	1978		Hiệu trưởng	Đại học	II	V.07.04.31	5	5,36			01/11/2024	
2	Phạm Thị Thái		1973	Phó hiệu trưởng	Đại học	II	V.07.04.31	5	5,36			01/08/2023	
3	Vũ Thị Lý		1972	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	5	5,36			01/08/2023	
4	Phạm Thị Hải		1971	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	6	5,70			01/08/2023	
5	Hoàng Mai Hoa		1973	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	5	5,36			01/08/2023	
6	Trần Thị Hương		1972	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	5	5,36			01/08/2023	
7	Nguyễn Thị Xuyên		1973	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	5	5,36			01/01/2024	
8	Phạm Thị Thảo		1973	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	4	5,02			01/09/2022	
9	Văn Thị Thu Hà		1974	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	4	5,02			01/01/2023	
10	Ngô Thị Hạnh		1981	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	4	5,02			01/10/2023	
11	Trịnh Thị Yến		1977	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	3	4,68			01/03/2024	
12	Nguyễn Thị Thanh		1977	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	3	4,68			01/03/2024	
13	Lò Thị Liên		1977	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	3	4,68			01/03/2022	
14	Phạm Thị Thanh		1978	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	4	5,02			01/09/2022	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh, chức vụ	Trình độ CMNV được đào tạo	Ngạch, hạng chức danh hiện giữ hiện giữ	Mã ngạch, Mã hạng chức danh hiện giữ hiện giữ	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc	Hệ số	Phụ cấp TNVK (%)	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm giữ bậc hoặc % PCTNVK	
1	2	3	4	5	6			7	8	9	10	11	12
15	Nguyễn Sỹ Tân	1983		Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	2	4,34			01/09/2022	
16	Nguyễn Thị Vân		1983	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	3	4,68			01/09/2023	
17	Phạm Thu Quyên		1982	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	3	4,68			01/09/2023	
18	Lê Ngọc Lan		1985	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	1	4,00			01/08/2023	
19	Đoàn Mỹ Ngọc		1986	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	1	4,00			01/08/2023	
20	Trần Mạnh Hiền	1987		Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	1	4,00			01/08/2023	
21	Trần Hà Phương		1986	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	1	4,00			01/08/2023	
22	Nguyễn Thu Hoài		1985	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	2	4,34			01/09/2022	
23	Lê Thị Hiền		1987	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	1	4,00			01/08/2023	
24	Vũ Thị Kim Ngân		1981	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	4	5,02			01/10/2024	
25	Nguyễn Thị Luyện		1982	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	3	4,68			01/09/2024	
26	Trần Thị Minh		1982	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	2	4,34			01/12/2023	
27	Đào Thị Thanh Nga		1982	Giáo viên	Cao đẳng	III	V.07.04.32	7	4,32			01/09/2023	
28	Cao Thị Thu Huyền		1982	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	2	4,34			01/01/2023	
29	Lê Thị Thu		1982	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	3	4,68			01/09/2024	
30	Trịnh Thị Phương Lan		1986	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	1	4,00			01/08/2023	
31	Đoàn Thị Lan Anh		1985	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	1	4,00			01/08/2023	
32	Vũ Thị Lan Anh		1987	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	1	4,00			01/01/2025	
33	Phạm Ánh Tuyết		1981	Giáo viên	Đại học	I	V.07.04.30	2	4,74			01/04/2021	
34	Lò Thị Thinh		1986	Giáo viên	Cao đẳng	III	V.07.04.32	3	3,00			01/06/2022	
35	Nông Văn Nam	1984		Giáo viên	Cao đẳng	III	V.07.04.29	6	3,99			15/09/2024	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh, chức vụ	Trình độ CMNV được đào tạo	Ngạch, hạng chức danh hiện giữ hiện giữ	Mã ngạch, Mã hạng chức danh hiện giữ hiện giữ	Bậc, hệ số lương hiện hưởng					Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc	Hệ số	Phụ cấp TNVK (%)	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm giữ bậc hoặc % PCTNVK	
1	2	3	4	5	6			7	8	9	10	11	12
36	Nguyễn Thùy Dương		1993	Giáo viên	Cao đẳng	III	V.07.04.32	3	3,00			15/06/2023	
37	Nguyễn Thị Nhung		1983	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	1	4,00			01/08/2023	
38	Nguyễn Thị Tú Trang		1989	Giáo viên	Cao đẳng	III	V.07.04.32	2	2,67			20/07/2022	
39	Đào Hoa		1986	Giáo viên	Cao đẳng	III	V.07.04.32	6	3,99			01/10/2023	
40	Trịnh Thị Châm		1993	Giáo viên	Cao đẳng	III	V.07.04.32	2	2,67			15/03/2022	
41	Lô Thị Nga		1984	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	2	4,34			01/09/2023	
42	Ngô Danh Trường	1988		Kế toán viên	Đại học	III	V.06.031	5	3,66			01/11/2022	
43	Lê Thùy Dương		1994	NV Y tế	Trung cấp	IV	V.08.03.07	6	2,86			01/12/2024	

Người lập biểu

Ngô Danh Trường

Điện Biên Phủ, ngày 05 tháng 12 năm 2025

Hiệu trưởng



DANH SÁCH NÂNG LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐỢT II NĂM 2025

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương hiện hưởng						Kết quả nâng bậc lương trong năm						Hệ số chênh lệch	Kết quả đánh giá, phân loại (Đối với CBCCV hưởng lương trình độ CD, ĐH thì tổng hợp kết quả đánh giá của 3 năm liền kể tính đến ngày nâng lương; Đối CBCCV hưởng lương trình độ TC, SC tổng hợp kết quả đánh giá 2 năm liền kể tính đến ngày nâng lương)	Ghi chú	
		Nam	Nữ			Nhóm ngạch (Hạng)	Chức danh hoặc (Mã số ngạch, Mã số hạng)	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CL BL	Thời điểm được xếp lương và % PCTNVK	Hạng	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CLB L				Thời gian tính nâng lương và % PCTNVK lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Phạm Thị Thảo		1973	Giáo viên	ĐH	II	V.07.04.31	4	5,02			01/09/2022	II	5	5,36			01/09/2025	0,34	Năm học: 2022-2023: HT T NV Năm học: 2023-2024: HT T NV Năm học: 2024-2025: HT T NV	
2	Phạm Thị Thanh		1978	Giáo viên	ĐH	II	V.07.04.31	4	5,02			01/09/2022	II	5	5,36			01/09/2025	0,34	Năm học: 2022-2023: HT XS NV Năm học: 2023-2024: HT T NV Năm học: 2024-2025: HT T NV	
3	Nguyễn Sỹ Tân	1983		Giáo viên	ĐH	II	V.07.04.31	2	4,34			01/09/2022	II	3	4,68			01/09/2025	0,34	Năm học: 2022-2023: HT XS NV Năm học: 2023-2024: HT T NV Năm học: 2024-2025: HT T NV	
4	Nguyễn Thu Hoài		1985	Giáo viên	ĐH	II	V.07.04.31	2	4,34			01/09/2022	II	3	4,68			01/09/2025	0,34	Năm học: 2022-2023: HT XS NV Năm học: 2023-2024: HT T NV Năm học: 2024-2025: HT T NV	
5	Nguyễn Thị Tú Trang		1989	Giáo viên	ĐH	III	V.07.04.32	2	2,67			20/07/2022	III	3	3,00			20/07/2025	0,33	Năm học: 2022-2023: HT XS NV Năm học: 2023-2024: HT T NV Năm học: 2024-2025: HT T NV	
6	Ngô Danh Trường	1988		Kế toán viên	ĐH	III	V.06.031	5	3,66			01/11/2022	III	6	3,99			01/11/2025	0,33	Năm học: 2022-2023: HT XS NV Năm học: 2023-2024: HT XS NV Năm học: 2024-2025: HT T NV	

Người lập biểu

Ngô Danh Trường

Điện Biên Phủ, ngày 05 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

TRUNG HỌC CƠ SỞ
MƯỜNG THANH

Nguyễn Bình Minh

DANH SÁCH NĂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐỢT II NĂM 2025
Danh sách đủ tiêu chuẩn theo tỷ lệ 10%

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương hiện hưởng						Kết quả nâng bậc lương trong năm						Hệ số chênh lệch	Kết quả đánh giá, phân loại (Đối với CBCCVN hưởng lương trình độ CD, ĐH thì tổng hợp kết quả đánh giá của 3 năm liền kể tính đến ngày nâng lương; Đối CBCCVN hưởng lương trình độ TC, SC tổng hợp kết quả đánh giá 2 năm liền kể tính đến ngày nâng lương)	Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn: Được xác định theo thời điểm ban hành quyết định công nhận thành tích đạt được trong khoảng thời gian 6 năm gần nhất đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên (trường hợp quy định thời gian nâng bậc lương thường xuyên 36 tháng); 4 năm gần nhất đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống	Ghi chú	
		Nam	Nữ			Nhóm ngạch (Hạng)	Chức danh hoặc (Mã số ngạch, Mã số hạng)	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CL BL	Thời điểm được xếp lương và % PCTNVK	Hạng	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CLB L					Thời gian tính năng lương và % PCTNVK lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Vũ Thị Lý		1972	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	5	5,36			01/08/2023	II	6	5,70			01/08/2025	0,34	Năm học: 2022-2023: HT XS NV Năm học: 2023-2024: HT XS NV Năm học: 2024-2025: HT XS NV	Bằng khen cấp tỉnh năm học 2024-2025/Chiến sĩ thi đua cơ sở 03 năm học liên tục năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025	
2	Hoàng Mai Hoa		1973	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	5	5,36			01/08/2023	II	6	5,70			01/08/2025	0,34	Năm học: 2022-2023: HT XS NV Năm học: 2023-2024: HT XS NV Năm học: 2024-2025: HT XS NV	Bằng khen cấp tỉnh năm học 2023-2024/Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2024-2025/Giấy khen của UBND Thành Phố,năm học 2021-2022, 2022-2023/Năm 2020 giấy khen của UBNDTP có TT trong tham gia tổ chức HKPD lần thứ XIII.	
3	Lê Thị Hiền		1987	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	1	4,00			01/08/2023	II	2	4,34			01/08/2025	0,34	Năm học: 2022-2023: HT XS NV Năm học: 2023-2024: HT XS NV Năm học: 2024-2025: HT XS NV	Bằng khen cấp tỉnh năm học 2024-2025/Chiến sĩ thi đua cơ sở 04 năm học liên tục năm học 2021-2022, 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025	

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương hiện hưởng						Kết quả nâng bậc lương trong năm						Hệ số chênh lệch	Kết quả đánh giá, phân loại (Đối với CBCCVC hưởng lương trình độ CD, ĐH thì tổng hợp kết quả đánh giá của 3 năm liền kể tính đến ngày nâng lương; Đối CBCCVC hưởng lương trình độ TC, SC tổng hợp kết quả đánh giá 2 năm liền kể tính đến ngày nâng lương)	Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn: Được xác định theo thời điểm ban hành quyết định công nhận thành tích đạt được trong khoảng thời gian 6 năm gần nhất đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên (trường hợp quy định thời gian nâng bậc lương thường xuyên 36 tháng); 4 năm gần nhất đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống	Ghi chú	
		Nam	Nữ			Nhóm ngạch (Hạng)	Chức danh hoặc (Mã số ngạch, Mã số hạng)	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CL BL	Thời điểm được xếp lương và % PCTNVK	Hạng	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CLB L					Thời gian tính nâng lương và % PCTNVK lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
4	Đoàn Mỹ Ngọc		1986	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	1	4,00			01/08/2023	II	2	4,34			01/08/2025	0,34	Năm học: 2022-2023: HT XS NV Năm học: 2023-2024: HT XS NV Năm học: 2024-2025: HT XS NV	Bảng khen TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh năm 2020-2021; 2023-2024/Chiến sĩ thi đua cơ sở 04 năm học 2020-2021; 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025	

Người lập biểu



Ngô Danh Trường

Điện Biên Phủ, ngày 05/ tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Bình Minh

DANH SÁCH NÂNG BẠC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐỢT II NĂM 2025

Danh sách ngoài chỉ tiêu chuẩn theo tỷ lệ 10%

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương hiện hưởng						Kết quả nâng bậc lương trong năm						Hệ số chênh lệch	Kết quả đánh giá, phân loại (Đối với CBCCVC hưởng lương trình độ CD, ĐH thì tổng hợp kết quả đánh giá của 3 năm liền kể tính đến ngày nâng lương; Đối CBCCVC hưởng lương trình độ TC, SC tổng hợp kết quả đánh giá 2 năm liền kể tính đến ngày nâng lương)	Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn: Được xác định theo thời điểm ban hành quyết định công nhận thành tích đạt được trong khoảng thời gian 6 năm gần nhất đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên (trường hợp quy định thời gian nâng bậc lương thường xuyên 36 tháng); 4 năm gần nhất đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống	Ghi chú	
		Nam	Nữ			Nhóm ngạch (Hạng)	Chức danh hoặc (Mã số ngạch, Mã số hạng)	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CL BL	Thời điểm được xếp lương và % PCTNVK	Hạng	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CLB L					Thời gian tính nâng lương và % PCTNVK lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Văn Thị Thu Hà		1974	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	4	5,02			01/01/2023	II	5	5,36			01/01/2025	0,34	Năm học: 2022-2023: HT XS NV Năm học: 2023-2024: HT Tốt NV Năm học: 2024-2025: HT Tốt NV	Chien si tin đia co so nam học 2023-2024; 2024-2025; Năm học 2023-2024 đạt giải: KHKT giải nhì cấp thành phố (Quyết định số 400/QĐ/PGD&ĐT, ngày 29/12/2024 của Phòng GD&ĐT), giải nhì cấp tỉnh (Quyết định số 23/QĐ/SGD&ĐT, ngày 10/01/2024 của Sở GD&ĐT); ôn HSG lớp 9 môn Lịch sử đạt 35 giải, trong đó năm học 2020-2021 đạt 4 giải (QĐ Số: 15/QĐ-PGDĐT-THCS, ngày 04/02/2021); năm học 2021-2022 đạt 3 giải (QĐ Số: 28/QĐ-PGDĐT-THCS, ngày 28/02/2022); năm học 2022-2023 đạt 9 giải (QĐ Số: 04/QĐ-PGDĐT-THCS, ngày 09/01/2023); năm học 2023-2024 đạt 4 giải (QĐ Số: 1722/QĐ-PGDĐT-THCS, ngày 28/10/2023); năm học 2024-2025 đạt 11 giải (QĐ Số: 280/QĐ-PGDĐT-THCS, ngày 29/10/2025; năm học 2025-2026 đạt 1 giải (QĐ Số: 100/QĐ-PGDĐT-THCS, ngày 29/10/2025)	

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương hiện hưởng						Kết quả nâng bậc lương trong năm						Hệ số chênh lệch	Kết quả đánh giá, phân loại (Đối với CBCCVN hưởng lương trình độ CD, ĐH thì tổng hợp kết quả đánh giá của 3 năm liền kể tính đến ngày nâng lương; Đối CBCCVN hưởng lương trình độ TC, SC tổng hợp kết quả đánh giá 2 năm liền kể tính đến ngày nâng lương)	Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn: Được xác định theo thời điểm ban hành quyết định công nhận thành tích đạt được trong khoảng thời gian 6 năm gần nhất đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên (trường hợp quy định thời gian nâng bậc lương thường xuyên 36 tháng); 4 năm gần nhất đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống	Ghi chú	
		Nam	Nữ			Nhóm ngạch (Hạng)	Chức danh hoặc (Mã số ngạch, Mã số hạng)	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CL BL	Thời điểm được xếp lương và % PCTNVK	Hạng	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CLB L					Thời gian tính nâng lương và % PCTNVK lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
2	Đào Hoa		1986	Giáo viên	Đại học	III	V.07.04.32	6	3,99			01/10/2023	III	7	4,32			01/10/2025	0,33	Năm học: 2022-2023: HT Tốt NV Năm học: 2023-2024: HT Tốt NV Năm học: 2024-2025: HT XS NV	Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2023-2024; 2024-2025/Năm học 2024-2025 đạt các giải: KHKT giải nhì cấp thành phố, giải nhì cấp tỉnh; STTTN: giải A cấp thành phố, giải B cấp tỉnh.	
3	Trần Thị Hương		1972	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	5	5,36			01/08/2023	II	6	5,70			01/08/2025	0,34	Năm học: 2022-2023: HT Tốt NV Năm học: 2023-2024: HT XS NV Năm học: 2024-2025: HT XS NV	Giấy khen của UBND TP 2 năm liên tục 2023-2024 và 2024-2025;	
4	Trần Hà Phương		1986	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	1	4,00			01/08/2023	II	2	4,34			01/08/2025	0,34	Năm học: 2022-2023: HT Tốt NV Năm học: 2023-2024: HT Tốt NV Năm học: 2024-2025: HT Tốt NV	Bằng khen của BCH Công đoàn GD VN năm 2019/Giấy khen của Sở GD&ĐT năm 2019; Giấy khen của UBND TP 2 năm liên tục 2023-2024 và 2024-2025	
5	Trần Thị Minh		1982	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	2	4,34			01/12/2023	II	3	4,68			01/12/2025	0,34	Năm học: 2022-2023: HT Tốt NV Năm học: 2023-2024: HT Tốt NV Năm học: 2024-2025: HT Tốt NV	Giấy khen UBND thành phố liên tục 03 năm học: 2022-2023; 2023-2024 ; 2024-2025	
6	Trịnh Thị Phương Lan		1986	Giáo viên	Đại học	II	V.07.04.31	1	4,00			01/08/2023	II	2	4,34			01/08/2025	0,34	Năm học: 2022-2023: HT Tốt NV Năm học: 2023-2024: HT Tốt NV Năm học: 2024-2025: HT Tốt NV	Giấy khen UBND thành phố liên tục 02 năm học: 2023-2024 ; 2024-2025	

Người lập biểu

Ngô Danh Trường

Điện Biên Phủ, ngày 05 tháng 12 năm 2025



UBND PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG THCS MƯỜNG THANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên Phủ, Ngày 05 tháng 12 năm 2025

DANH SÁCH
THỰC TRẠNG VIÊN CHỨC HƯỞNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO
(Kèm theo Tờ trình số 183 /TTrTHCS MT, ngày 05 tháng 12 năm 2025 của trường THCS Mường Thanh)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ	Ngày, tháng, năm tuyển dụng vào ngành	Ngày, tháng, năm xét hết tập sự và bổ nhiệm chính thức vào ngạch	Phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo hiện hưởng		Đợt nâng
							Mức	Ngày, tháng, năm hưởng phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Bình Minh	22/04/1978	Nam	Hiệu trưởng	01/11/2000	01/11/2001	23%	01/10/2024	II
2	Phạm Thị Thái	21/04/1973	Nữ	Phó hiệu trưởng	01/09/1995	01/01/1997	28%	01/01/2025	I
3	Vũ Thị Lý	14/09/1972	Nữ	Giáo viên	01/10/1992	30/03/1994	31%	01/03/2025	I
4	Phạm Thị Hải	14/11/1971	Nữ	Giáo viên	01/09/1992	01/02/1994	31%	01/02/2025	I
5	Hoàng Mai Hoa	22/10/1973	Nữ	Giáo viên	15/09/1994	01/02/1996	29%	01/01/2025	I
6	Trần Thị Hương	03/11/1972	Nữ	Giáo viên	01/09/1994	01/01/1996	29%	01/01/2025	I
7	Nguyễn Thị Xuyên	12/12/1972	Nữ	Giáo viên	01/09/1994	01/02/1996	29%	01/01/2025	I
8	Phạm Thị Thảo	20/10/1973	Nữ	Giáo viên	01/09/1995	01/01/1997	28%	01/01/2021	I
9	Văn Thị Thu Hà	06/04/1974	Nữ	Giáo viên	01/09/1997	11/01/1998	26%	01/01/2025	I
10	Ngô Thị Hạnh	06/12/1981	Nữ	Giáo viên	01/10/2002	01/04/2003	22%	01/04/2025	I
11	Trịnh Thị Yến	20/03/1977	Nữ	Giáo viên	01/08/2002	01/03/2003	22%	01/03/2025	I
12	Nguyễn Thị Thanh	14/03/1977	Nữ	Giáo viên	01/08/2002	01/03/2003	22%	01/03/2025	I
13	Lò Thị Liên	12/12/1977	Nữ	Giáo viên	01/08/2002	01/03/2003	22%	01/03/2025	I
14	Phạm Thị Thanh	07/08/1978	Nữ	Giáo viên	01/09/1999	01/09/2000	24%	01/09/2024	II
15	Nguyễn Sỹ Tân	08/09/1983	Nam	Giáo viên	10/09/2004	31/12/2020	19%	01/09/2024	II
16	Nguyễn Thị Vân	29/11/1983	Nữ	Giáo viên	01/09/2004	01/09/2005	19%	01/09/2024	II
17	Phạm Thu Quyên	29/10/1982	Nữ	Giáo viên	10/09/2004	10/09/2005	19%	01/12/2024	II
18	Lê Ngọc Lan	28/05/1985	Nữ	Giáo viên	06/10/2008	01/10/2009	15%	01/10/2024	II
19	Đoàn Mỹ Ngọc	03/08/1986	Nữ	Giáo viên	01/08/2009	01/07/2010	14%	01/07/2024	II

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ	Ngày, tháng, năm tuyển dụng vào ngành	Ngày, tháng, năm xét hết tập sự và bổ nhiệm chính thức vào ngạch	Phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo hiện hưởng		Đợt nâng
							Mức	Ngày, tháng, năm hưởng phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo	
20	Trần Mạnh Hiền	09/06/1987	Nam	Giáo viên	05/09/2006	05/03/2007	18%	01/03/2025	I
21	Trần Hà Phương	27/10/1986	Nữ	Giáo viên	09/10/2007	01/04/2008	16%	01/04/2025	I
22	Nguyễn Thu Hoài	21/02/1985	Nữ	Giáo viên	15/09/2005	31/08/2006	18%	01/09/2024	II
23	Lê Thị Hiền	24/02/1987	Nữ	Giáo viên	10/09/2009	01/09/2010	13%	01/12/2024	II
24	Vũ Thị Kim Ngân	19/06/1981	Nữ	Giáo viên	15/10/2002	15/04/2003	21%	01/11/2024	II
25	Nguyễn Thị Luyện	14/04/1982	Nữ	Giáo viên	10/09/2004	10/09/2005'	19%	01/09/2024	II
26	Trần Thị Minh	22/12/1982	Nữ	Giáo viên	10/09/2004	10/09/2005	19%	01/09/2024	II
27	Đào Thị Thanh Nga	20/06/1982	Nữ	Giáo viên	01/09/2003	01/03/2004	21%	01/03/2025	I
28	Cao Thị Thu Huyền	30/01/1982	Nữ	Giáo viên	10/09/2004	10/09/2005	19%	01/09/2024	II
29	Lê Thị Thu	22/09/1982	Nữ	Giáo viên	01/09/2003	01/03/2004	21%	01/03/2025	I
30	Trịnh Thị Phương Lan	27/12/1986	Nữ	Giáo viên	01/09/2011	01/09/2012	12%	01/09/2024	II
31	Đoàn Thị Lan Anh	22/02/1985	Nữ	Giáo viên	01/05/2009	01/12/2013	15%	01/05/2025	I
32	Vũ Thị Lan Anh	30/07/1987	Nữ	Giáo viên	15/08/2012	01/06/2015	11%	15/08/2024	II
33	Phạm Ánh Tuyết	03/05/1981	Nữ	Giáo viên	01/09/2005	01/09/2006	18%	01/06/2025	I
34	Lò Thị Thinh	20/08/1986	Nữ	Giáo viên	01/06/2015	01/06/2016	9%	01/09/2024	II
35	Nông Văn Nam	11/04/1984	Nam	Giáo viên	15/02/2007	15/08/2007	17%	15/08/2024	II
36	Nguyễn Thùy Dương	25/09/1993	Nữ	Giáo viên	15/12/2015	15/12/2016	8%	01/04/2025	I
37	Nguyễn Thị Nhung	29/10/1983	Nữ	Giáo viên	15/02/2007	15/08/2007	17%	01/09/2024	II
38	Nguyễn Thị Tú Trang	31/07/1989	Nữ	Giáo viên	20/10/2018	20/07/2019	5%	20/07/2024	II
39	Đào Hoa	05/10/1986	Nữ	Giáo viên	01/10/2007	01/10/2008	13%	01/10/2024	II
40	Trịnh Thị Châm	22/06/1993	Nữ	Giáo viên	10/03/2016	15/03/2019	8%	15/01/2025	I
41	Lò Thị Nga	17/08/1984	Nữ	Giáo viên	05/09/2006	05/09/2007	17%	01/09/2024	II

Tổng số: 41 nhà giáo

Người lập biểu

Ngô Danh Trường

Điện Biên Phủ, ngày 05 tháng 12 năm 2025

Hiệu trưởng



Nguyễn Bình Minh

Điện Biên Phủ, Ngày 05 tháng 12 năm 2025

DANH SÁCH
VIÊN CHỨC ĐỀ NGHỊ HƯỞNG MỨC PHỤ CẤP THÂM NIÊN ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO ĐỢT 2 NĂM 2025
(Kèm theo Tờ trình số 183 /TTrTHCS MT, ngày 05 tháng 12 năm 2025 của trường THCS Mường Thanh)

TT	SL	Họ và tên	Trường	Chức vụ - chức danh	Ngày tháng năm sinh	Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên	Thời điểm được hưởng năm 2025	Tỷ lệ % cũ	Tỷ lệ mới %	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	1	Nguyễn Bình Minh	Trường THCS Mường Thanh	Hiệu trưởng	22/04/1978	01/10/2001	01/10/2025	23	24	
2	2	Phạm Thị Thanh	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	07/08/1978	01/09/2000	01/09/2025	24	25	
3	3	Nguyễn Sỹ Tân	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	08/09/1983	01/09/2005	01/09/2025	19	20	
4	4	Nguyễn Thị Vân	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	29/11/1983	01/09/2005	01/09/2025	19	20	
5	5	Phạm Thu Quyên	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	29/10/1982	01/12/2005	01/12/2025	19	20	
6	6	Lê Ngọc Lan	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	28/05/1985	01/10/2009	01/10/2025	15	16	
7	7	Đoàn Mỹ Ngọc	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	03/08/1986	01/07/2010	01/07/2025	14	15	
8	8	Nguyễn Thu Hoài	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	21/02/1985	01/09/2006	01/09/2025	18	19	
9	9	Lê Thị Hiền	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	24/02/1987	01/12/2011	01/12/2025	13	14	
10	10	Vũ Thị Kim Ngân	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	19/06/1981	01/11/2003	01/11/2025	21	22	
11	11	Nguyễn Thị Luyên	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	14/04/1982	01/09/2005	01/09/2025	19	20	
12	12	Trần Thị Minh	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	22/12/1982	01/09/2005	01/09/2025	19	20	
13	13	Cao Thị Thu Huyền	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	30/01/1982	01/09/2025	01/09/2025	19	20	
14	14	Trịnh Thị Phương Lan	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	27/12/1986	01/09/2012	01/09/2025	12	13	
15	15	Vũ Thị Lan Anh	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	30/07/1987	15/08/2013	15/08/2025	11	12	
16	16	Lò Thị Thinh	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	20/08/1986	01/09/2015	01/09/2025	9	10	
17	17	Nông Văn Nam	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	11/04/1984	15/08/2007	15/08/2025	17	18	

TT	SL	Họ và tên	Trường	Chức vụ - chức danh	Ngày tháng năm sinh	Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên	Thời điểm được hưởng năm 2025	Tỷ lệ % cũ	Tỷ lệ mới %	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
18	18	Nguyễn Thị Nhung	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	29/10/1983	01/09/2007	01/09/2025	17	18	
19	19	Nguyễn Thị Tú Trang	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	31/07/1989	20/07/2019	20/07/2025	5	6	
20	20	Đào Hoa	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	05/10/1986	01/10/2013	01/10/2025	13	14	
21	21	Lò Thị Nga	Trường THCS Mường Thanh	Giáo viên	17/08/1984	01/09/2007	01/09/2025	17	18	

Điện Biên Phủ, ngày 05 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu



Ngô Danh Trường

Hiệu trưởng



Nguyễn Bình Minh